

SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ KÔNG

<http://www.khoahocvacongnghevietnam.com.vn>

Thứ sáu, 17/02/2017 - 16:08

Mê Kông là con sông có chiều dài đứng thứ 12 trên thế giới và đứng thứ 7 trong khu vực châu Á, đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế xã hội của các nước gồm: Trung Quốc, Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam. Trong vòng 60 năm qua, hệ thống sông Mê Kông từ cao nguyên Tây Tạng đến ven biển Đông của Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã kinh qua rất nhiều biến động do các hoạt động kinh tế của con người: rừng của vùng Vân Nam bị mất trên 75%, rừng quanh Biển Hồ mất trên 20%; nhiều đập thủy điện, trạm bơm thủy lợi phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh được xây dựng tràn lan dọc sông Mê Kông từ Vân Nam (Trung Quốc), Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia, Việt Nam... Những hoạt động này cùng với những hoạt động “nhân tai” khác đã làm cho khí hậu trái đất biến đổi và làm dòng nước sông Mê Kông ngày càng thay đổi không lường trước được, trong đó vùng bị ảnh hưởng nặng nề nhất chính là ĐBSCL. Trước hoàn cảnh này, việc sử dụng nguồn nước sông Mê Kông sao cho đạt hiệu quả tối ưu trong vùng ĐBSCL để bảo đảm được an ninh lương thực quốc gia và nâng cao lợi tức của nông dân một cách bền vững là nhu cầu cấp thiết hiện nay. Bài viết phân tích hiện trạng sử dụng nguồn nước tại ĐBSCL đã đem đến những hiệu quả thế nào cho nền kinh tế - xã hội của Việt Nam trong thời gian qua và trước viễn cảnh biến đổi khí hậu, chúng ta nên cải tiến như thế nào để đạt mục tiêu nêu trên.

Hiện trạng nguồn nước ở ĐBSCL

Hằng năm, ĐBSCL nhận được một lượng nước lớn từ thượng lưu, trước khi chảy ra biển Đông. Tuy nhiên, châu thổ sông Mê Kông cũng được đánh giá là 1 trong 3 châu thổ lớn của thế giới bị đe dọa nghiêm trọng bởi biến đổi khí hậu. Ngoài ra, theo dự báo vào năm 2100, ĐBSCL sẽ bị ngập khoảng 1/3 diện tích nếu mực nước biển dâng lên khoảng 1 m. ĐBSCL phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nước của sông Mê Kông, chính vì thế khi các đập thủy điện ở thượng nguồn được xây dựng đã làm thay đổi về chế độ dòng chảy cũng như làm giảm đi lượng phù sa, gây thiệt hại

rất lớn đến nguồn thủy sản ở ĐBSCL. Đặc biệt, ĐBSCL với hai trụ cột kinh tế lớn là sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, sự thay đổi đó đã làm cho hệ sinh thái của vùng biến đổi, sinh kế người dân gặp nhiều khó khăn và gây ra những tác hại dây chuyền khác từ tổn thất về kinh tế - xã hội và môi trường. Với lượng nước quá ít từ thượng nguồn cao nguyên Tây Tạng, hàng năm khi băng tan, chảy vào hệ thống sông Mê Kông hiện nay, trước khi nước ngọt đến được ĐBSCL thì phải qua những dòng chảy bao gồm: qua ít nhất 4 trong 11 đập thủy điện lớn của vùng Vân Nam (Trung Quốc) đang vận hành; qua 2 đập thủy điện của Lào đang vận hành và sẽ xây thêm 2 đập lớn nữa với hàng trăm trạm bơm trên các phụ lưu; xuống đến vùng khô hạn phía đông bắc của Thái Lan (nơi mà Thái Lan đã chuyển dòng nước Mê Kông vào hàng ngàn trạm bơm thủy lợi khác); chảy qua vùng Biển Hồ của Campuchia rồi mới về tới Việt Nam. Lưu lượng dòng sông Mê Kông bắt đầu thay đổi lớn từ sau năm 1978, khi dòng chảy đo tại Kratie (bắt đầu vào vùng hạ lưu của Campuchia và ĐBSCL) trong mùa mưa lũ là 77.000 m³/s, giảm xuống 34.000 m³/s. Trạm Khí tượng thủy văn An Giang theo dõi mực nước sông Tiền tại Tân Châu từ năm 1904 đã xác định truyền thuyết của cư dân vùng ĐBSCL từ xa xưa là “năm Thìn bão lụt” (hễ đến năm Thìn là có ngập lụt). Đặc biệt là năm 2016, trong những tháng mùa khô, hiện tượng El Niño kết hợp dòng chảy giảm mạnh, hạn hán xảy ra khắp nơi trong toàn hệ thống sông Mê Kông (trong đó nặng nề nhất là ở Thái Lan và Việt Nam), nước mặn xâm nhập vào sâu trong đất liền vùng ĐBSCL. Cuối năm 2016, hiện tượng La Niña xuất hiện gây ra mưa bão, ngập lụt tại nhiều vùng của Philippin, Ấn Độ, Việt Nam, Campuchia, Lào và Thái Lan.

Vấn đề sử dụng bền vững nguồn nước sông Mê Kông

Trong bối cảnh nước ngọt ngày càng giảm dần không thể đảo ngược được, chúng ta cần phải thay đổi tập quán sử dụng lãng phí nguồn nước với nguyên tắc cơ bản là sử dụng có lợi nhưng không lãng phí nước ngọt, không làm gia tăng tình trạng biến đổi khí hậu. Theo đó, trong khu vực công nghiệp và dịch vụ, sự tiết kiệm nước ngọt cần phải được thực hiện bằng những quy trình xử lý nước thải để tái sử dụng lại trong công nghiệp và sinh hoạt vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường. Tại các

vùng nước mặn, từ xưa ông bà ta đã có tập quán tiết kiệm nước ngọt (tắm trước cho sạch bằng nước mặn, xong rồi lấy vại gáo nước ngọt xối lên thân mình để “rửa mặn”...). Trong khu vực nông nghiệp, chúng ta cần kêu gọi sự hiểu biết và tự giác của người sản xuất và người tiêu dùng trong khuôn khổ chính sách sử dụng nước phù hợp nhất trong tình hình nước ngọt ngày càng khan hiếm như hiện nay. Sản xuất nông nghiệp phải có lời, phải tính chi phí nước ngọt vào giá thành sản phẩm, có chính sách cân đối giữa trồng lúa vừa đủ bảo đảm an ninh lương thực, vừa tiết kiệm nước, vừa có dư diện tích đất để chuyển sang những cây trồng, vật nuôi có giá trị cao hơn. Cụ thể, đối với vùng ngọt: chúng ta không thể tiếp tục sử dụng nước ngọt như trong thời kỳ thiếu thốn lương thực của những năm 70-80 của thế kỷ trước để sản xuất lúa bằng mọi giá. Lúc thiếu gạo, chính sách an ninh lương thực đã huy động mọi nguồn lực để sản xuất lúa, kể cả phá rừng làm ruộng lúa... nhưng giá luôn thấp khi bán ra thị trường vì chất lượng sản phẩm không đạt chuẩn quốc tế. Do đó, để nâng cao năng suất và chất lượng lúa, chúng ta cần phải áp dụng các kỹ thuật trồng lúa tiết kiệm nguồn nước đang ngày càng khan hiếm như hiện nay. Các kỹ thuật có thể áp dụng bao gồm: tưới nước luân phiên, áp dụng kỹ thuật sạ khô lúa hè thu sớm, luân canh lúa và tôm, chuyển vùng đẻ bao 3 vụ lúa để trồng 2 vụ lúa Đông Xuân và Hè Thu để đất nghỉ vụ Thu Đông nhằm lấy nước mưa cùng nước phù sa, chuyển vùng đẻ bao 3 vụ lúa thành vùng cây ăn trái (xoài, bưởi, sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, nhãn, thanh long...). Tại vùng nhiễm mặn: chúng ta nên từ bỏ chính sách ngọt hóa để trồng lúa mà chỉ giữ lại một vụ lúa đặc sản loại trung mùa để trồng chính vụ mùa mưa, cần xóa bỏ các diện tích trồng lúa bắp bênh để chuyển sang vùng nuôi tôm sinh thái, tôm quảng canh, hoặc tôm bán thâm canh, trồng rừng ngập mặn kết hợp nuôi tôm, cá...

Trong những thập kỷ tới, ĐBSCL sẽ phải đối phó với thách thức toàn cầu về biến đổi khí hậu và thách thức khu vực về việc sử dụng nguồn nước sông Mê Kông trên thượng nguồn. Những thách thức này không tác động riêng lẻ mà kết hợp liên hoàn gây ra những tác hại nghiêm trọng cả về kinh tế và môi trường đối với ĐBSCL. Vì thế, nên chăng chúng ta cần có một số giải pháp cơ bản như:

Một là, cần phải đổi mới tư duy sản xuất của nông dân: nhiều đời qua, người nông dân đã quen với tập quán trồng lúa phải có đầy đủ nước, bón nhiều phân đạm và thuốc bảo vệ thực vật nhằm đạt năng suất cao nhưng chất lượng hạt gạo làm ra lại thấp. Do vậy, người dân cần phải đổi mới phương pháp sản xuất bằng cách từ bỏ tập quán canh tác cũ để áp dụng các tiến bộ của kỹ thuật nông nghiệp mới. Người nông dân cần phải tham gia tích cực trong các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới để có dịp học hỏi và thực hiện chặt chẽ những quy trình sản xuất theo kỹ thuật hữu hiệu, ít nhất trong các khâu sau đây: điều khiển đất trồng (cày sâu, bừa trộn nhiều phân hữu cơ để đất giữ nước và dinh dưỡng hữu hiệu); bón phân cân đối: bón phân nền (bón lót) gồm phân hữu cơ và NPK và vôi cùng phân vi lượng (nếu cần). Đây là kỹ thuật căn bản nhất cho cây trồng mạnh khỏe có sức chống lại nhiều loại sâu bệnh hại.

Hai là, cần tổ chức lại sản xuất một cách hợp lý: trồng lúa ngắn ngày năng suất cao thích hợp cho hướng sản xuất thích nghi với môi trường, chuyển đổi cơ cấu cây trồng/vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tiễn sản xuất. Riêng ở ĐBSCL, cần tập trung gieo sạ lúa ở khu vực không bị ảnh hưởng bởi mặn như An Giang, Đồng Tháp nhưng phải có sự kết hợp với biện pháp sử dụng tiết kiệm nguồn nước. Những vùng nước ngọt vẫn có thể trồng lúa, cây ăn trái; vùng bị nhiễm mặn, lợ nên chuyển sang canh tác theo mô hình lúa - tôm...

Ba là, tăng cường hợp tác, trao đổi quốc tế để có các nghiên cứu chuyên sâu, nhằm xây dựng định hướng, đề xuất các giải pháp giữ sử dụng nước phù hợp và hiệu quả cho vùng, bao gồm cả các giải pháp công trình và giải pháp phi công trình như xây dựng hệ thống thủy lợi thích hợp cho vùng tôm - lúa; tiến hành đồn điền đổi thửa hoặc tích tụ ruộng đất để quy hoạch lại ruộng tươi, ruộng tiêu riêng biệt cho mỗi ruộng lúa - tôm, tôm sinh thái, tôm bán thâm canh và tôm thâm canh; xây dựng hệ thống đê bao và trồng thâm canh rau màu ở những nơi thích hợp...

NGND.GS.TS Võ Tòng Xuân
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ